

Số: **1393**/CHHVN-VTDVHH

Hà Nội, ngày **15** tháng 4 năm 2021

V/v báo cáo số liệu thống kê tháng 4
năm 2021

Kính gửi: Bộ Giao thông vận tải

Thực hiện Thông tư số 48/2017/TT-BGTVT ngày 13/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê và chế độ báo cáo thống kê ngành Giao thông vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải số liệu thống kê tháng 4 năm 2021 như sau:

I. Báo cáo số liệu thống kê tháng 4/2021.

1. Thực hiện khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển 03 tháng năm 2021 đạt **172.447.000** tấn (không bao gồm hàng quá cảnh không xếp dỡ tại cảng) tăng **7%** so với cùng kỳ năm 2020, cụ thể:

- Hàng xuất khẩu đạt **44.161.000** tấn, tăng **3%** với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng nhập khẩu đạt **53.668.000** tấn, tăng **9%** so với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng nội địa đạt **74.237.000** tấn, tăng **8%** so với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng quá cảnh bốc dỡ **381.000** tấn.

Trong đó, thực hiện khối lượng hàng hóa container thông qua cảng biển 03 tháng đầu năm 2021 là: **5.927.000** Teus, tăng **17%** so với năm 2020, trong đó:

- Hàng xuất khẩu đạt **1.888.000** Teus, tăng **12%** so với cùng kỳ năm 2020
- Hàng nhập khẩu đạt **1.968.000** Teus, tăng **19%** so với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng nội địa đạt **2.071.000** Teus, tăng **18%** so với cùng kỳ năm 2020.

Nhận xét:

- Khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển trong 03 tháng đầu năm 2021 tăng 7% so với cùng kỳ năm 2020 là mức tăng trưởng bình quân trong các tháng gần đây, các khu vực cảng biển có khối lượng hàng hóa thông qua tăng cao như là: khu vực Thái Bình tăng 113% (từ 371.700 tấn đến 792.300 tấn), lượng tăng chủ yếu là hàng lỏng tăng 130% (340.800 tấn), khu vực Đồng Tháp tăng 68% (từ 152.403 tấn đến 256.121 tấn), trong đó mức tăng chủ yếu là hàng khô và hàng tổng hợp tăng 251%, khu vực Thừa Thiên Huế tăng 47,9%, khu vực Quảng Ngãi tăng 33%. Đặc biệt, một số khu vực cảng biển có lượng hàng thông qua lớn và

trong những tháng dịch Covid -19 bùng phát đã giảm nhưng trong vài tháng gần đây đã có mức tăng trưởng dương như: khu vực TP. Hồ Chí Minh tăng 4,8% (1.791.882 tấn), khu vực Hải Phòng tăng 13% (2.713.981 tấn) so với cùng kỳ. Tuy nhiên, vẫn có khu vực cảng biển có khối lượng hàng hóa thông qua giảm như khu vực cảng biển Mỹ Tho giảm 45%, mức giảm chủ yếu là khối lượng hàng lỏng giảm 87% (từ 45.022 tấn xuống còn 5.695 tấn), An Giang giảm 35% so với cùng kỳ, khu vực Đà Nẵng giảm 3%, khu vực Quảng Ninh có khối lượng hàng hóa thông qua lớn nhưng giảm 6% (1.523.458 tấn) so với cùng kỳ năm trước. Khối lượng hàng hóa thông qua cảng một số khu vực lớn nhất như: TP. Hồ Chí Minh đạt 40,614 triệu tấn, Vũng Tàu đạt 28,39 triệu tấn, Quảng Ninh đạt 22,57 triệu tấn, Hải Phòng đạt 22,94 triệu tấn.

- Khối lượng hàng hóa container thông qua cảng trong tháng 03 năm 2021 tăng 17% cùng kỳ năm 2020, đó là mức tăng trưởng tương đối cao trong vài năm gần đây. Khu vực có khối lượng hàng container thông qua tăng cao nhất Quảng Nam tăng 80% (từ 26.005 Teus đến 46.796 Teus), khu vực Mỹ Tho đạt 7.931 Teus tăng 57%. Các khu vực cảng biển khác có hàng container thông qua lớn nhất cả nước tăng mạnh đặc biệt là container xuất nhập khẩu như: khu vực Hồ Chí Minh tăng 15,2% (267.563 Teus); khu vực Vũng Tàu tăng 26% (433.905 Teus); khu vực Hải Phòng tăng 17% (203.086 Teus). Tuy nhiên, vẫn còn một số khu vực có khối lượng hàng container thông qua cảng biển giảm mạnh như: khu vực Quảng Ninh giảm 98% (từ 565 Teus xuống còn 69 Teus), khu vực Thanh Hóa giảm 63%, khu vực An Giang giảm 40% và khu vực Cần Thơ giảm 20% so với cùng kỳ năm 2020.

- Số lượt hành khách thông qua cảng biển tháng 03 năm 2021 đạt 454.458 lượt giảm 44% so với cùng kỳ năm 2020 (phần lớn là khối lượng hành khách nội địa tuyến bờ ra đảo và hành khách đi theo tàu chở hàng). Số lượt hành khách thông qua cảng biển 03 tháng năm 2021 đạt 1.151.000 lượt giảm 24% so với cùng kỳ năm trước.

2. Ước tổng khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển 04 tháng năm 2021 là: 229.923.000 tấn, tăng 5% so với cùng kỳ năm 2020.

- Hàng xuất khẩu đạt 58.876.000 tấn, tăng 3% với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng nhập khẩu đạt 71.557.000 tấn, tăng 5% so với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng nội địa đạt 98.983.000 tấn, tăng 7% so với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng quá cảnh bốc dỡ đạt 507.000 tấn.

Trong đó: Ước khối lượng hàng container thông qua cảng biển 04 tháng năm 2021 là: 7.903.000 TEUs, tăng 18% so với năm 2020, trong đó:

- Hàng xuất khẩu đạt 2.517.000 Teus, tăng 13% so với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng nhập khẩu đạt 2.624.000 Teus, tăng 19% so với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng nội địa đạt 2.761.000 Teus, tăng 21% so với cùng kỳ năm 2020.

(Chi tiết biểu mẫu khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển tháng 4 năm 2021 tại phụ lục I gửi kèm).

II. Khối lượng và lượt hàng hóa thông qua cảng biển và cảng biển do Vinalines quản lý (chi tiết tại phụ lục II gửi kèm).

1. Lượt tàu biển thông qua 03 tháng năm 2021, cụ thể như sau:

- Lượt tàu ngoại thông qua đạt 13.941 lượt, tăng 13% so với cùng kỳ năm 2020.
- Lượt tàu nội thông qua đạt 14.805 lượt, giảm 4% so với cùng kỳ năm 2020.

Trong đó:

- + Tàu xuất nhập cảnh đạt 1.445 lượt, tăng 12% so với cùng kỳ năm 2020.
- + Tàu chạy tuyến nội địa đạt 13.360 lượt, giảm 6% với cùng kỳ năm 2020.

2. Lượt thông qua bằng phương tiện thủy nội địa tháng 03 năm 2021, cụ thể:

- Lượt thông qua bằng phương tiện thủy nội địa đạt 80.908 lượt, tăng 1% so với cùng kỳ năm 2020.

Trong đó: Lượt tàu thông qua bằng phương tiện VR-SB đạt 8.724 lượt, tăng 15% so với năm 2020 và chiếm 10,8% tổng lượt thông qua bằng phương tiện thủy nội địa.

3. Khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển tháng 03 năm 2021 (không bao gồm hàng quá cảnh không bốc dỡ), như sau:

- Khối lượng hàng hóa thông qua bằng tàu biển đạt 119.707.242 tấn tăng 10% so với cùng kỳ năm 2020.
- Khối lượng hàng hóa thông qua bằng phương tiện thủy nội địa đạt 52.740.145 tấn bằng với cùng kỳ năm 2020.

Trong đó: Khối lượng hàng hóa thông qua bằng phương tiện VR-SB đạt 13.170.461 tấn, tăng 24% so với năm 2020 và chiếm 25% tổng khối lượng hàng hóa thông qua bằng phương tiện thủy nội địa.

4. Khối lượng và lượt hàng hóa thông qua các cảng do Vinalines Quản lý tháng 03 năm 2021 phụ lục II, cụ thể như sau:

- Khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển của các cảng do Vinalines quản lý đạt 23.7 triệu tấn tăng 20% so với cùng kỳ năm 2020, chiếm 13.7% tổng khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển của cả nước, trong đó:

+ Cảng Hải Phòng có khối lượng hàng hóa thông qua lớn nhất đạt 5,896 triệu tấn chiếm 24,9%, thứ 2 là cảng SSIT đạt 3,11 triệu tấn chiếm 13,1% so với tổng khối lượng hàng hóa do Vinalines quản lý.

+ Tăng cao nhất là cảng Cái Cui tăng 143%, Bến Thủy tăng 67%, Tiên Sa tăng 46% so với cùng kỳ năm trước, cảng Hoàng Diệu giảm nhiều nhất là 33% so với cùng kỳ năm trước.

Cục Hàng hải Việt Nam kính báo cáo Bộ Giao thông vận tải, 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- Văn phòng (để đăng Website);
- Lưu VT, VTDVHH.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Hoàng Hồng Giang

PHỤ LỤC I

Biểu số 07-T

Ngày báo cáo: 15/4/2021

Đơn vị báo cáo: Cục Hàng hải Việt Nam

Đơn vị nhận báo cáo: Bộ GTVT (Vụ VT)

THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA THÔNG QUA CẢNG BIỂN Tháng 4/2021

TT	Danh mục loại hàng	Đơn vị tính	Kế hoạch năm	Khối lượng hàng hóa thông qua cảng					
				Từ đầu năm đến hết tháng trước	Ước thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo	Lũy kế cùng kỳ năm trước	So sánh cùng kỳ năm trước (%)	So sánh với kế hoạch năm (%)
A	B	C	1	2	3	4	5	6=4/5	7=4/1
	Tổng số	1000 tấn	725,367	172,446	57,482	229,928	218,690	105%	32%
	Hàng xuất khẩu	1000 tấn		44,161	14,720	58,881	57,221		
	Hàng nhập khẩu	1000 tấn		53,668	17,889	71,557	67,937		
	Hàng nội địa	1000 tấn		74,237	24,746	98,983	92,832		
	Hàng quá cảnh	1000 tấn		380	127	507	700		
	Chia ra								
1	<u>Container</u>	<u>1000 tấn</u>	<u>252,253</u>	<u>60,220</u>	<u>20,073</u>	<u>80,293</u>	<u>74,043</u>	<u>108%</u>	
		<u>1000 Teus</u>	<u>24,884</u>	<u>5,927</u>	<u>1,976</u>	<u>7,903</u>	<u>6,701</u>	<u>118%</u>	<u>32%</u>
	Xuất khẩu	1000 Tấn		18,729	6,243	24,972	23,205		
		1000 Teus		1,888	629	2,517	2,219		
	Nhập khẩu	1000 Tấn		21,026	7,009	28,035	24,110		
		1000 Teus		1,968	656	2,624	2,203		
	Nội địa	1000 Tấn		20,465	6,822	27,287	26,728		
		1000 Teus		2,071	690	2,761	2,279		
2	<u>Hàng lỏng</u>	<u>1000 tấn</u>	<u>81,927</u>	<u>18,985</u>	<u>6,328</u>	<u>25,313</u>	<u>26,513</u>	<u>95%</u>	<u>31%</u>
	Xuất khẩu	1000 tấn		1,045	348	1,393	2,317		
	Nhập khẩu	1000 tấn		5,891	1,964	7,855	9,078		
	Nội địa	1000 tấn		12,049	4,016	16,065	15,118		
3	<u>Hàng khô</u>	<u>1000 tấn</u>	<u>391,187</u>	<u>92,861</u>	<u>30,954</u>	<u>123,815</u>	<u>117,434</u>	<u>105%</u>	<u>32%</u>
	Xuất khẩu	1000 tấn		24,387	8,129	32,516	31,699		
	Nhập khẩu	1000 tấn		26,751	8,917	35,668	34,749		
	Nội địa	1000 tấn		41,723	13,908	55,631	50,986		
4	<u>Hàng quá cảnh</u>	<u>1000 tấn</u>	<u>79,435</u>	<u>17,923</u>	<u>5,974</u>	<u>23,897</u>	<u>22,902</u>	<u>104%</u>	<u>30%</u>

PHỤ LỤC III
BÁO CÁO SẢN LƯỢNG HÀNG HÓA THÔNG QUA CẢNG BIỂN THÁNG 3 NĂM 2021

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Thực hiện so với cùng kỳ (%)	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo	Thực hiện so với cùng kỳ (%)
1	2	3	4	5=3/4	6	7	8=6/7
I. Sản lượng hàng hóa và số lượng tàu thuyền thông qua cảng							
1.1.Sản lượng hàng hóa và số lượt tàu thuyền thông qua							
1.1.1.Tổng số lượt tàu biển	lượt	11,292	9,421	120%	28,746	27,814	103%
1.1.1.1.Tàu ngoại	lượt	5,458	3,972	137%	13,941	12,379	113%
1.1.1.2.Tàu nội	lượt	5,834	5,449	107%	14,805	15,435	96%
Trong đó	+ Tàu xuất nhập cảnh	649	564	115%	1,445	1,292	112%
	+ Tàu chạy tuyến nội địa	5,185	4,885	106%	13,360	14,143	94%
1.1.2.Hàng hóa thông qua cảng	tấn	63,378,113	62,058,754	102%	172,447,387	161,371,396	107%
Trong đó	+ Xuất khẩu	17,532,520	16,954,759	103%	44,161,105	43,064,408	103%
	+ Nhập khẩu	19,495,893	18,586,709	105%	53,668,534	49,221,573	109%
	+ Nội địa	26,262,517	26,368,780	100%	74,236,945	68,506,379	108%
	+ Quá cảnh xếp dỡ	87,183	148,506	59%	380,803	579,036	66%
	+ container	22,036,647	21,255,157	104%	60,220,272	55,555,098	108%
	+ container	2,207,295	1,918,491	115%	5,926,977	5,086,083	117%
	+ Hàng lỏng	6,384,010	7,432,780	86%	18,985,337	20,441,401	93%
	+ Hàng kho	34,929,965	33,333,869	105%	92,860,975	84,903,260	109%
1.2.Sản lượng hàng hóa và số lượng phương tiện thủy nội địa (PTTND) thông qua							
1.2.1. Tổng số PTTND	Lượt	32,632	31,715	103%	80,908	79,856	101%

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Thực hiện so với cùng kỳ (%)	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo	Thực hiện so với cùng kỳ (%)
1	2	3	4	5=3/4	6	7	8=6/7
Trong đó tổng số PTTNĐ đăng ký SB	Lượt	3,701	3,104	119%	8,724	7,568	115%
1.2.2. Tổng số tấn PTTNĐ	tấn	19,774,812	19,371,740	102%	52,740,145	52,782,404	100%
Trong đó tổng số PTTNĐ SB vận tải	tấn	5,430,099	4,353,996	125%	13,170,461	10,589,402	124%
1.3. Tổng sản lượng hàng hóa thông qua khu vực cảng biển							
Tổng hàng hóa thông qua cảng	tấn	63,378,113	62,058,754	102%	172,447,387	161,371,396	107%
Hàng hóa thông qua cảng bằng tàu biển	tấn	43,603,301	42,687,014	102%	119,707,242	108,588,992	110%
Hàng hóa thông qua cảng bằng phương tiện thủy nội địa	tấn	19,774,812	19,371,740	102%	52,740,145	52,782,404	100%
II. Sản lượng hàng hóa thông qua cảng do Vinalines quản lý							
Công ty CP Cảng Quảng Ninh	Triệu tấn	0.352	0.334	105%	1.65	1.17	141%
Công ty TNHH container Quốc tế Quảng Ninh	Triệu tấn	0.37	0.38	97%	1.026	1.04	99%
Cảng Hải Phòng (CP 94,68% vốn NN)	Triệu tấn	2.195	1.965	112%	5.896	5.255	112%
Cảng Transvina (LD Vinalines chiếm 58%)	Triệu tấn	0.025	0.015	167%	0.097	0.068	143%
Cảng Cửa Lò	Triệu tấn	0.47	0.37	127%	1.13	0.92	123%
Cảng Bến Thủy	Triệu tấn	0.04	0.03	133%	0.10	0.06	167%
Cảng Tiên Sa	Triệu tấn	0.850	0.661	129%	2.078	1.421	146%
Cảng Ba Ngòi	Triệu tấn	0.299	0.216	138%	0.64	0.60	108%
Cảng Sài Gòn	Triệu tấn	1.15	1.01	114%	3.08	2.49	124%

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Thực hiện so với cùng kỳ (%)	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo	Thực hiện so với cùng kỳ (%)
1	2	3	4	5=3/4	6	7	8=6/7
Cảng CMIT	Triệu tấn	0.65	1.01	64%	2.50	2.97	84%
Cảng SP-PSA	Triệu tấn	0.70	0.29	241%	1.71	1.13	151%
Cảng SSIT	Triệu tấn	1.14	0.78	146%	3.11	2.10	148%
Cảng Cái Cui	Triệu tấn	0.12	0.04	273%	0.28	0.12	243%
Cảng Hoàng Diệu	Triệu tấn	0.06	0.08	76%	0.17	0.25	67%
Cảng Vinalines Hậu Giang	Triệu tấn	0.07	0.07	96%	0.23	0.20	115%
Cảng Năm Căn	Triệu tấn	0	0	0%	0.000	0.000	0%
III. Hàng hóa quá cảnh và Hành khách thông qua							
Tổng số lượng hàng hóa quá cảng	Tấn	5,098,201	5,013,788	102%	17,926,932	11,285,294	159%
Lượt hành khách thông qua	Lượt khách	400,482	593,516	67%	673,000	1,183,143	57%